TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH AN GIANG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-PT

Ngày: 17-5-2018

"*V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn - Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông Ngô Dũng

Bà Trần Thị Thúy Hà

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2018/TLPT-HN ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc: "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn - Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2018/QĐPT-DS ngày 29/3/2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1987. (Có mặt)
Cư trú: Số 259, tổ 07, ấp Mỹ Q, xã Mỹ Ph huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

***- Bị đơn*:** Ông Phan Văn C, sinh năm 1982. (Có mặt)
Cư trú: Tổ 07, ấp Mỹ Q, xã Mỹ Ph, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1966. (Vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)
3. Bà Tăng Thị V, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Cùng trú: tại tổ 07, ấp Mỹ Q, xã Mỹ Ph, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

-Người kháng cáo: Ông Phan Văn C là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày yêu cầu khởi kiện:

Bà và ông Phan Văn C chung sống vợ chồng năm 2002 đến năm 2016 ly hôn theo bản án số 263/2016/HNGĐ-ST ngày 30/8/2016. Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông C không chia tài

sản chung của vợ chồng theo thỏa thuận tự giải quyết cho bà mà còn đuổi không cho bà và con ổn định cuộc sống tại nhà và đất là tài sàn chung của vợ chồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung theo pháp luật trong thời kỳ hôn nhân gồm có Thửa đất số 288, tờ bản đồ số 98, diện tích đo đạc thực tế 2.173m^2 loại đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH02953hF ngày 09/7/2010 cho ông bà cùng đứng tên quyền sử dụng. Giấy chứng nhận QSDĐ bà L quản lý, đất ông C đang sử dụng. Vợ chồng khi còn chung sống có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông Lê Hoàng D 500m^2 (diện tích do đạc thực tế 489m^2) với số tiền 30.000.000 đồng. Năm 2015 có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị V 160m^2 (diện tích do đạc thực tế 159m^2) với số tiền 24.600.000 đồng. Cả hai lần chuyển nhượng có làm giấy tay, đã giao đất và nhận đủ tiền, không có tranh chấp. Nay bà đồng ý cùng ông C thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông D, ông T và bà V theo diện tích đo đạc thực tế còn lại là 1.525m^2 đất nông nghiệp, bà yêu cầu được phân chia đất theo pháp luật. Bà đồng ý trên đất có một số cây trồng nhưng không tranh chấp. Đối với căn nhà tạm của bà cất trên đất thì bà tự nguyện di dời, không yêu cầu định giá, bồi hoàn và giải quyết.

2. Bị đơn ông Phan Văn C trình bày:

Ông thống nhất theo lời trình bày về tài sản chung vợ chồng là diện tích đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH02953hF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp ngày 09/7/2010. Năm 2011, ông bà có chuyển nhượng đất cho ông Lê Hoàng D 500m^2. Năm 2015 ông bà chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị V 160m^2, qua đo đạc thực trạng thì diện tích chuyển nhượng cho ông D giảm là 489m^2, ông T và bà V giảm là 159m^2, ông thống nhất theo diện tích đo đạc thực trạng ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph. Ông đồng ý cùng bà L thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng đất cho ông D, ông T và bà V theo quy định luật đất đai. Phần diện tích đất còn lại ông không đồng ý phân chia cho bà Lvì đây là đất của cha mẹ ông khi còn sống chỉ tặng cho riêng ông, bà L không được quyền hưởng tài sản.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Lê Hoàng D trình bày :

Năm 2011 ông có chuyển nhượng đất nông nghiệp của vợ chồng Lvà C 500m^2 (làm giấy tay) với số tiền 30.000.000 đồng và đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng từ năm 2011 đến nay nhưng ông bà chưa thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng cho đến nay. Ông thống nhất theo đo đạc thực tế ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph diện tích là 489m$^{2.}$. Ông yêu cầu ông C và bà L thực hiện thủ tục sang tên cho ông theo quy định pháp luật đất đai.

3.2 Ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị V trình bày:

Năm 2015 ông bà có chuyển nhượng đất nông nghiệp của vợ chồng L C 160m^2 (làm giấy tay) với số tiền 24.600.000 đồng và đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng cho đến nay. Ông thống nhất theo đo đạc thực tế ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Ph diện tích là 159 m^2. Ông bà yêu cầu ông C bà L thực hiện thủ tục sang tên cho ông bà theo quy định pháp luật đất đai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph tuyên xử:

1. Về chia tài sản:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy L về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với ông Phan Văn C:

- Chia cho bà L được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 659 m^2 đất nông nghiệp theo các điểm 13, 15, 16, 17, 18, 21 (hiện đào ô nuôi cá lóc giống thể hiện trong bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

- Buộc bà L tháo dỡ, di dời căn nhà tạm kết cấu nền đất tráng xi măng, vách thiếc mái thiếc, theo các điểm 6,7,8 *(bản vẽ kèm theo)*.

- Chia cho ông Phan Văn C được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 866m^2 đất nông nghiệp theo các điểm 21, 9, 1, 3, 19,18 (thể hiện trong bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

2. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L với ông Lê Hoàng D lập ngày 20/4/2011 với diện tích đo đạc thự tế 489m^2 theo các điểm 1,3,19, 20 (thể hiện bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L với ông Nguyễn Văn T bà Tăng Thị V lập ngày 15/9/2015 với diện tích đo đạc thự tế 159m^2 theo các điểm 1,3,19, 20 (thể hiện bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục sang tên, chuyển quyền theo quy định.

(Toàn bộ diện tích đất trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02953hF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp ngày 09/7/2010 tọa lạc tại ấp Mỹ Q, xã Mỹ Ph, huyện Châu Ph, hiện ông C, bà L đứng tên).

3.Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí đo đạc, định giá, thẩm định bà L tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lphải chịu 1.812.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ứng với phần tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền 3.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013188 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang. Bà L được nhận lại số tiền 1.313.000 đồng.

- Ông C phải chịu 2.382.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ứng với phần tài sản được chia.

- Ông D tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013452 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

- Ông T, bà V tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013427 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 02 năm 2018 ông Phan Văn C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không đồng ý phân chia cho bà Nguyễn Thị Thúy L diện tích 659 m^2 đất nông nghiệp.

Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Ph không kháng nghị.

Xét kháng cáo của đương sự, đối chiếu với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai chứng cứ tại tòa phúc thẩm, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa.Trên cơ sở xem xét toàn diện và sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/02/2018 ông Phan Văn C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy L và bị đơn ông Phan Văn C thỏa thuận được hướng giải quyết vụ án .

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D, ông Nguyễn Văn T, bà Tăng Thị V vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt ông bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu:

+Việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, HĐXX cấp phúc thẩm, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

+Về đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph. Công nhận sự thỏa thuận của ông C và bà Lvề việc tặng cho tài sản chung 1.159m^2 đất nông nghiệp cho con chung Phan Văn B sinh ngày 20/11/2006, khi cháu B trưởng thành 18 tuổi ông bà sẽ có trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và giao lại đất cho con sử dụng, ông bà tiếp tục thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho ông D, cho ông Tvà bà V. Do cấp sơ thẩm có sai sót khi ghi nhận diện tích 489m^2 tại các điểm chưa chính xác đối với đất của ông Tvà bà V đã chuyển nhượng nên cần phải điều chỉnh lại cho chính xác. Yêu cầu kháng cáo của ông C được chấp nhận. Các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy :

[1] Bị đơn ông Phan Văn C kháng cáo không đồng ý phân chia tài sản chung vợ chồng cho bà Nguyễn Thị Thúy L diện tích 659 m^2 đất nông nghiệp.

- Về nguồn gốc tài sản tranh chấp là 2.500m^2 đất nông nghiệp qua đo đạc thực tế diện tích 2.173m^2 là đất cha mẹ ông C tặng cho ông bà trong thời kỳ hôn nhân nên cả hai cùng đứng tên quyền sử dụng đất số CH02953hF ngày 09/7/2010. Theo bản án số 263/2016/HNGĐ-ST ngày 30/8/2016 đã có hiệu lực pháp luật, về tài sản chung bà L và ông C không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, bà L được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Ông C không đồng ý chia tài sản cho bà L vì ông cho rằng đây là tài sản riêng của ông nhưng ông không chứng minh được nên không có căn cứ xem xét nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L phân chia cho bà sở hữu và sử dụng 659m^2 đất nông nghiệp là phù hợp. Đối với căn nhà tạm của bà L đang cất trên đất, bà L tự nguyện di dời và không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà với ông Lê Hoàng D, ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị V không có kháng cáo nên không xét đến. Do cấp sơ thẩm ghi nhận diện tích đất của ông Tvà bà V theo đo đạc thực tế là 159m^2 tại các điểm 1,3,19, 20 là chưa chính xác nên cần điều chỉnh lại cho chính xác thể hiện tại các điểm 13,14,16.15 (bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo) theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C và bà L đã thỏa thuận tự nguyện tặng cho tài sản đất nông nghiệp cho con chung tên Phan Văn B sinh ngày 20/11/2006. Cụ thể, ông C cho con 500 m^2 đất còn bà L cho con 659 m^2 đất, tổng cộng con B được cha mẹ tặng cho 1.159 m^2 đất nông nghiệp. Khi con B trưởng thành tròn 18 tuổi ông bà có nghĩa vụ chuyển nhượng sang tên và giao đất cho con Bào đứng tên QSDĐ và sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện tặng cho tài sản cho con chung của ông C và bà L.

[2] Về án phí dân sự:

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông C và bà L tự nguyện đóng án phí sơ thẩm của diện tích đất 1.150m^2 tặng cho con chung .

-Về án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các điều: 459, 500, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số *23/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Ph, nội dung:*

" - Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy L về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với ông Phan Văn C:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy L được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 659 m^2 đất nông nghiệp theo các điểm 13, 15, 16, 17, 18, 21 (hiện đào ô nuôi cá lóc giống thể hiện trong bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

+ Bà L tự nguyện tháo dỡ, di dời căn nhà tạm kết cấu nền đất tráng xi măng, vách thiếc, mái thiếc theo các điểm 6,7,8 *(bản vẽ kèm theo)*.

+ Ông Phan Văn C được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 866m^2 đất nông nghiệp theo các điểm 21, 9, 1, 3, 19,18 (thể hiện trong bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

- Công nhận sự thỏa thuận về tặng cho tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp 1.159 m^2 cho con tên Phan Văn B sinh ngày 20/11/2006 hiện bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng:

+ Ông Phan Văn C tặng cho con B diện tích 500 m^2/866 m^2 đất nông nghiệp.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy L tặng cho con B diện tích 659 m^2/659 m^2 đất nông nghiệp.

+ Đến khi con B tròn 18 tuổi trưởng thành (ngày 20/11/ 2024) ông C và bà L có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tách chuyển sang tên QSDĐ đồng thời giao đất cho con B sử dụng hợp pháp theo quy định pháp luật đất đai.

-Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L với ông Lê Hoàng D lập ngày 20/4/2011 với diện tích đo đạc thực tế 489m^2 theo các điểm 1,3,19, 20 (thể hiện bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị Thúy L với ông Nguyễn Văn T, bà Tăng Thị V lập ngày 15/9/2015 với diện tích đo đạc thực tế 159m^2 theo các điểm 13,14,16,15 (thể hiện bản trích đo địa chính ngày 27/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Ph có bản vẽ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục sang tên, chuyển quyền theo quy định.

(Toàn bộ diện tích đất trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02953hF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Ph cấp ngày 09/7/2010 tọa lạc tại ấp Mỹ Q, xã Mỹ Ph, huyện Châu Ph, hiện ông C, bà L đứng tên).

3. Án phí dân sự:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà phải chịu 1.812.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà L số tiền 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013188 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

- Ông C phải chịu 2.382.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông D tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông D số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013452 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

- Ông T, bà V tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T và bà V số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013427 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

- Ông C và bà L tự nguyện mỗi người phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản tặng cho con chung.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Trả lại cho ông Phan Văn C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017660 ngày 02 /02 /2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Huyền Trân